

Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê - Số Bốn

Jeff Pippenger

2025-12-07

Số bốn

Trong Isaiah hai mươi tám, những "kẻ nhạo báng căm quỳên" ở "Jerusalem" được mô tả là "những kẻ say rượu của Ephraim," và là "vương miện của kiêu ngạo." "Crown" tượng trưng cho quyền lãnh đạo và "pride" tượng trưng cho bản chất Sa-tan.

Những kẻ say rượu được đối lập với những người còn sót lại ("phần dư"), những người trở thành "triều thiên" vinh hiển của Đức Chúa Trời, vì trong thời kỳ mưa cuối mùa Chúa thiết lập "vương quốc vinh hiển" của Ngài, như được biểu trưng bởi việc Ngài thiết lập "vương quốc ân điển" tại thập tự giá. "Vương quốc ân điển" tại thập tự giá là hình bóng cho "vương quốc vinh hiển" vào thời đạo luật Chủ nhật. Mưa cuối mùa bắt đầu vào 9/11, khi việc niêm ấn một trăm bốn mươi bốn nghìn và sự phán xét đối với người sống bắt đầu.

Tôi thấy rằng hết thảy đều chăm chú dõi nhìn và dồn tâm trí vào cơn khủng hoảng sắp xảy đến trước mắt họ. Các tội lỗi của Israel phải được đưa ra phán xét trước. Mọi tội lỗi phải được xung ra tại đền thánh, rồi công cuộc mới tiến tới. Điều đó phải làm ngay bây giờ. Những người còn sót lại trong thời kỳ hoạn nạn sẽ kêu lên: Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lại bỏ tôi?

Mưa cuối mùa đang giáng xuống trên những người trong sạch—bây giờ hết thảy đều sẽ nhận lãnh nó như thuở trước.

Khi bốn thiên sứ buông tay, Đấng Christ sẽ lập Nước Ngài. Chỉ những ai đang làm hết sức mình mới nhận được mưa muện. Đấng Christ sẽ giúp chúng ta. Tất cả đều có thể đắc thắng nhờ ân điển của Đức Chúa Trời, qua huyết của Đức Chúa Giê-xu. Cả thiên đàng đều quan tâm đến công việc ấy. Các thiên sứ cũng quan tâm. Spalding and Magan, 3.

Bốn ngọn gió trong Khải Huyền cũng được Ê-sai mô tả như một cơn gió dữ đã bị ngăn lại trong ngày của gió đông, tương tự như bốn ngọn gió tranh chiến của Khải Huyền bị bốn thiên sứ kiềm chế. Theo Bà White, bốn ngọn gió được nhận diện như một "con ngựa giận dữ tìm cách bút tung ra", mang theo "sự chết chóc và hủy diệt". Bốn ngọn gió được thả ra dần dần, bắt đầu từ 9/11, rồi được gia tăng mạnh mẽ vào thời điểm Luật Chủ nhật, và hoàn toàn được thả ra khi kỳ ân điển của nhân loại chấm dứt.

Được giải phóng và bị ràng buộc

Tiếng kèn thứ bảy, cũng là hoạ thứ ba, vốn loan báo sự hoàn tất của mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, đã được thổi lên mang tính tiên tri vào ngày 11/9 khi Hội giáo được giải phóng và rồi được George W. Bush kiềm chế một cách tiên tri sau 11/9. Mẹ của Hội giáo, Hagar, mẹ của Ishmael, là một biểu tượng của sự kiềm chế và sự giải phóng. Bà đã được Sarah cho phép để sinh con với

Abraham theo ý của Sarah; rồi vì ghen tuông, bà bị Sarah kiểm chế, khiến Hagar bỏ chạy, cho đến khi thiên sứ ngăn Hagar bỏ chạy và bảo bà quay về. Sau khi Isaac chào đời, sự xung đột giữa Hagar và Sarah vẫn tiếp diễn cho đến khi Abraham đuổi người nữ tỳ đi, qua đó áp đặt thêm một sự kiểm chế trên bà.

Bốn vị thiên sứ của Hội giáo đã được thả ra vào lúc bắt đầu của lời tiên tri kéo dài 391 năm 15 ngày trong Khải Huyền 9:15, và rồi họ đã bị cầm giữ vào ngày 11 tháng 8 năm 1840.

Và thiên sứ thứ sáu thổi kèn; tôi nghe một tiếng từ bốn sừng của bàn thờ bằng vàng ở trước mặt Đức Chúa Trời, nói với thiên sứ thứ sáu đang cầm kèn rằng: Hãy thả bốn thiên sứ bị trói tại sông lớn Ê-phơ-rát. Và bốn thiên sứ ấy được thả ra; họ đã được chuẩn bị cho một giờ, một ngày, một tháng và một năm, để giết một phần ba loài người. Khải Huyền 9:13-15.

Sau khi Hội giáo của tai họa thứ ba được tung ra để tấn công trong vụ 11/9, George W. Bush đã phát động cuộc chiến chống khủng bố trên toàn cầu của mình và đặt vòng kiểm tỏa lên Hội giáo. Lần đầu tiên nhắc đến Ishmael, biểu tượng của Hội giáo, cho biết rằng hậu duệ của Ishmael sẽ chống lại mọi người và mọi người cũng sẽ chống lại họ.

Và thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói với nàng: Kia, người đang mang thai, sẽ sinh một con trai, và sẽ gọi tên nó là Ích-ma-ên; vì Đức Giê-hô-va đã nghe nỗi khốn khổ của người. Nó sẽ là một người hoang dã; tay nó sẽ chống lại mọi người, và tay mọi người sẽ chống lại nó; và nó sẽ cư ngụ trước mặt tất cả anh em mình. Sáng thế ký 16:11, 12.

Hội giáo là thế lực vào thời kỳ tận thế mà “mọi bàn tay” sẽ chống lại nó, và Hội giáo sẽ chống lại mọi người, đúng như đang được ứng nghiệm trọn vẹn ngày nay. Nhiệm vụ đặc thù của Hội giáo với tư cách là một biểu tượng trong lời tiên tri là gây ra một cuộc chiến tranh thế giới. Chủ đề này được xác nhận bởi câu chuyện về Êlia, Gioan Tẩy Giả và được mô tả là “sự làm cho các dân tộc nổi giận” trong sách Khải Huyền.

"Sự khởi đầu của thời kỳ hoạn nạn ấy, được nói đến ở đây không ám chỉ thời điểm khi các tai vạ bắt đầu được đổ ra, nhưng là một khoảng thời gian ngắn ngay trước khi chúng được đổ ra, khi Đấng Christ còn ở trong đền thánh. Vào thời điểm đó, trong khi công cuộc cứu rỗi đang khép lại, cơn hoạn nạn sẽ đến trên đất, và các dân sẽ nổi giận, nhưng bị kiểm chế để không ngăn trở công việc của thiên sứ thứ ba. Khi ấy, 'mưa cuối mùa,' hay sự làm tươi mới từ trước mặt Chúa sẽ đến, để ban quyền năng cho tiếng kêu lớn của thiên sứ thứ ba, và chuẩn bị các thánh đồ để đứng vững trong thời kỳ khi bầy tai vạ sau cùng sẽ được đổ ra." Early Writings, 85.

Trong những "ngày" khi mưa rào cuối mùa đang đổ xuống, Chúa Kitô thiết lập vương quốc vinh hiển của Ngài như được bày tỏ trong sách Đa-ni-ên.

Trong những ngày của các vua ấy, Đức Chúa Trời trên trời sẽ lập nên một vương quốc, là vương quốc sẽ không bao giờ bị hủy diệt; và vương quốc ấy sẽ không được để lại cho dân khác, nhưng nó sẽ nghiền nát và tiêu diệt tất cả những vương quốc này, và nó sẽ đứng vững đời đời. Đa-ni-ên 2:44.

Trong những "ngày" khi Đấng Christ thiết lập vương quốc vinh hiển của Ngài, những người làm nên "mã" vinh hiển của Đấng Christ được đối chiếu với những kẻ say sưa đội "mã" kiêu ngạo. "Khải tượng" của Ha-ba-cúc, điều phải được chép ra và làm cho rõ ràng trên các "bảng", minh họa một cách sinh động lời chứng lịch sử về những lễ thật nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm. Trong lời chứng của Ha-ba-cúc, hai hạng người của Giê-ê-nu thuộc "kiêu ngạo" hoặc "vinh hiển" được trình bày như hai hạng: kẻ được xưng công chính bởi đức tin và kẻ tự cao trong kiêu ngạo. Câu bốn của chương hai nói đến hai hạng người ấy, và chúng tương ứng với minh họa kinh điển về người Pha-ri-si và người thu thuế. Người thu thuế trở về nhà được xưng công chính, còn "linh hồn" của người Pha-ri-si thì "chẳng ngay thẳng" vì nó "tự cao."

Kìa, linh hồn tự cao của người ấy không ngay thẳng trong người ấy; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Ha-ba-cúc 2:4.

Trong câu tiếp theo, Habakkuk chỉ ra rằng hạng người có lòng kiêu ngạo phồng lên là những kẻ say rượu, qua đó liên kết những kẻ say rượu của Isaiah và Habakkuk với "sự kiêu ngạo".

Và lại, vì rượu khiến hấn phạm tội, hấn là kẻ kiêu ngạo, không chịu ở yên trong nhà; hấn mở rộng lòng tham như âm phủ, và như sự chết, chẳng bao giờ thỏa mãn; nhưng lại thu góp cho mình mọi dân tộc, và chất chứa cho mình mọi dân. Ha-ba-cúc 2:5.

Đáng ghi nhớ rằng các câu này trong sách Ha-ba-cúc không chỉ được ứng nghiệm trong lịch sử Millerite, mà sự ứng nghiệm của chúng còn là một chủ đề thường xuyên được cả Ellen White và các nhà tiên phong buổi đầu của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đề cập. Những người được xưng công chính bởi đức tin được bày tỏ trong câu bốn, khi áp dụng cho lịch sử Millerite, chính là những người đã vượt qua cuộc khủng hoảng của sự thất vọng thứ nhất, vốn đánh dấu cả thời kỳ trì hoãn và sự xuất hiện của sứ điệp của thiên sứ thứ hai công bố sự sa ngã của Ba-by-lôn. Trong lịch sử thử luyện ấy, những người Millerite hiểu rằng dân giao ước thuở trước—những người vốn là Tin Lành trong lịch sử—đã trở thành các con gái của Ba-by-lôn. Những người Tin Lành đó là những người được biểu trưng bởi Hội thánh Sardis, đại diện cho một dân giao ước, vì họ có một "tên", biểu tượng của cả tính cách và mối quan hệ giao ước, nhưng họ đã chết.

Và hãy viết cho thiên sứ của hội thánh tại Sardis: Đây là lời của Đấng có bảy Thần của Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao: Ta biết công việc của ngươi, rằng ngươi có danh là sống, nhưng lại chết. Khải Huyền 3:1.

Trong kỳ thử thách năm 1844, bắt đầu vào ngày 19 tháng 4 và sau đó kết thúc vào ngày 22 tháng 10—những người không vượt qua kỳ thử thách ấy đã trở nên tự cao tự đại, và nếu chúng ta chỉ cần đọc các câu tiếp theo sau câu năm, đặc tính của sự kiêu ngạo nơi con người được minh họa ở đó bằng một ví dụ về sự ngạo mạn của giáo hoàng và sự tự đề cao. Phần này kết thúc ở câu hai mươi, nơi tuyên bố rằng Chúa ở trong đền thánh của Ngài; toàn cõi đất hãy lặng yên.

Nhưng Chúa ngự trong đền thánh của Ngài: toàn cõi đất hãy nín lặng trước mặt Ngài. Ha-ba-cúc 2:20.

Câu 2 của chương 2 sách Ha-ba-cúc chỉ ra sự thất vọng đầu tiên vào ngày 19 tháng 4 năm 1844, và chương kết thúc ở câu 20; câu này rõ ràng đánh dấu ngày 22 tháng 10 năm 1844, khi Chúa bắt ngờ

đến đền thờ của Ngài.

Bốn Lần Đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844 (dòng nổi dòng)

Sự đến của Đấng Christ, với tư cách là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, vào Nơi Chí Thánh để thanh tẩy đền thánh, được trình bày trong Đa-ni-ên 8:14; sự đến của Con Người đến với Đấng Thượng Cổ, như được trình bày trong Đa-ni-ên 7:13; và việc Chúa đến đền thờ của Ngài, đã được Ma-la-chi tiên báo, đều là những mô tả về cùng một sự kiện; và điều này cũng được minh họa bằng việc chàng rể đến dự lễ cưới, được Đấng Christ mô tả trong dụ ngôn mười trinh nữ ở Ma-thi-ơ 25." Đại Tranh Chiến, 426.

Câu ba và câu bốn xác định hai hạng người được hình thành trong quá trình thử nghiệm từ câu hai đến câu hai mươi, là quá trình thử nghiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 1844 đến ngày 22 tháng 10 năm 1844. Câu bốn đến mười chín đề cập đến quyền lực giáo hoàng, ngoại trừ câu mười bốn, câu này nói về lịch sử theo sau sự giáng xuống của thiên sứ trong Khải Huyền chương mười tám vào 9/11.

Vi đất sẽ đầy dẫy sự nhận biết về vinh hiển của Đức Giê-hô-va, như nước che phủ biển.
Ha-ba-cúc 2:14.

Trong tiến trình thử thách của thiên sứ thứ hai trong lịch sử Millerite, hai hạng người thờ phượng đã được hình thành và sau đó bộc lộ vào cuộc khủng hoảng ngày 22 tháng 10 năm 1844. Bản chất của kẻ ác trong đoạn văn là bản chất của giáo hoàng quyền, và trong thời kỳ thử thách ấy, những người Millerite trung tín đã công bố, phù hợp với sứ điệp của thiên sứ thứ hai, rằng Giáo hội Tin Lành đã trở thành các con gái của Rôma do họ khước từ sứ điệp của Millerite. Cuộc tranh luận diễn ra từ lúc bắt đầu vào ngày 19 tháng 4 đến khi kết thúc vào ngày 22 tháng 10 là nơi bản chất con người được bộc lộ—hoặc như một kẻ kiêu ngạo uống rượu của Ba-by-lôn như Bên-xát-sa, hoặc như người, giống Đa-ni-ên trước mặt Bên-xát-sa, được xưng công chính bởi đức tin. Chính cuộc tranh luận đó là nơi diễn ra những diễn biến làm thức tỉnh thế giới về những thực tại đời đời gắn liền với sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Bối cảnh đối chiếu kẻ say sưa với người được xưng công chính được đặt trong bối cảnh lập luận về việc thế giới được soi sáng về các vấn đề như thế nào: “Vi đất sẽ đầy dẫy sự nhận biết vinh hiển của Chúa, như nước che phủ biển.” Sự soi sáng đó bắt đầu vào ngày 11 tháng 9.

Vào lúc kết thúc của lịch sử được trình bày trong Ha-ba-cúc đoạn hai, Chúa bỗng nhiên đến đền thờ của Ngài vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Ngài đã làm như vậy để ứng nghiệm lời tiên tri mà Ngài đã trình bày dưới danh xưng Palmoni trong câu mười bốn của Đa-ni-ên đoạn tám.

Palmoni

Vào ngày mồng mười của tháng thứ bảy theo lịch Kinh Thánh, mà vào năm 1844 rơi vào ngày 22 tháng 10, Ha-ba-cúc 2:20 đã được ứng nghiệm, và con số tượng trưng “220” có thể được thấy trong “chương và câu”, điều này chỉ ra một sự thay đổi về thời kỳ trong chức vụ của Đấng Christ tại đền thánh trên trời. Một đặc điểm mang tính tiên tri của một trăm bốn mươi bốn nghìn là họ là những người theo Chiên Con dù Ngài đi đâu. Theo Đấng Christ có nghĩa là theo Ngài trong Lời Ngài.

Trong Lời của Ngài, con số "220" tượng trưng cho sự kết hợp giữa thần tính và nhân tính, và chính công việc mà Đấng Christ bắt đầu vào ngày đó là công việc kết hợp thần tính của Ngài với nhân tính. Năm 1844, vào ngày hai mươi hai của tháng mười, hay tượng trưng là hai mươi hai nhân mười bằng "220" ($22 \times 10 = 220$), hay có thể nói, chính vào ngày có giá trị tượng trưng là "220", Ha-ba-cúc "2:20" đã được ứng nghiệm khi Đấng Christ chuyển từ Nơi Thánh sang Nơi Chí Thánh để bắt đầu cuộc phán xét điều tra.

Palmoni, Con Số Kỳ Diệu, hiện diện trong “vấn đáp” vốn là trụ cột trung tâm của Phục Lâm giáo, và đa số tín hữu Phục Lâm hoàn toàn không hay biết lẽ thật đó.

Đoạn Kinh Thánh vượt trên mọi đoạn khác, từng là cả nền tảng lẫn trụ cột trung tâm của đức tin về sự tái lâm, chính là lời tuyên bố: 'Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bảy giờ đèn thánh sẽ được thanh tẩy.' [Đa-ni-ên 8:14.] Cuộc Đại Tranh Chiến, 409.

Đa-ni-ên chương 8, câu 13 và 14 trình bày một câu hỏi ở câu 13, theo sau là một câu trả lời ở câu 14. Từ tiếng Hê-bơ-rơ “Palmoni” được dịch là “một vị thánh nào đó” ở câu 13, và danh xưng đặc biệt đó của Đấng Christ có nghĩa là “Đấng Đếm Kỳ Diệu” hoặc “Đấng Đếm các sự kín nhiệm”.

Khi Ellen White xác định rằng câu mười bốn là trụ cột trung tâm và nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm, bà đặt sự nhấn mạnh của Đức Chúa Trời lên phần hỏi và đáp của hai câu này, điều đòi hỏi rằng Đấng Christ, với tư cách là Đấng Định Số Diệu Kỳ, phải là điểm quy chiếu chính. Bà White nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem Đấng Christ là lẽ thật trung tâm của bất kỳ phân đoạn nào, và trong các câu mười ba và mười bốn có sự xuất hiện trực tiếp của Đấng Christ—“vị thánh kia,”—là Palmoni.

Khi Phái Cơ Đốc Phục Lâm bác bỏ “bảy lần” của Lê-vi Ký 26 vào năm 1863, họ đã nhắm mắt làm ngơ trước Palmoni, vì cấu trúc tiên tri của câu hỏi và câu trả lời dựa trên mối liên hệ giữa “bảy lần” của Môi-se và “hai nghìn ba trăm ngày” của Đa-ni-ên. “Bảy lần” của Môi-se, tức hai nghìn năm trăm hai mươi năm, và “hai nghìn ba trăm buổi chiều và buổi mai” của Đa-ni-ên, tức hai nghìn ba trăm năm, có mối liên hệ tiên tri được xác lập bởi thời gian, vốn được biểu thị bằng các con số, và Đấng Đếm Số Kỳ Diệu ở ngay trung tâm của câu hỏi và câu trả lời, vốn là trụ cột trung tâm của Phái Cơ Đốc Phục Lâm. Những ai đã đọc các trước tác của Josephus có lẽ sẽ nhớ các lập luận lô-gic của ông xác định hai điều đặc biệt do Đức Chúa Trời tạo nên. Một là tiếng Hê-bơ-rơ và điều kia là thời gian có thể đo lường được, mà đến lượt nó đòi hỏi toán học.

Câu mười ba hỏi: "Bao lâu?" Câu đó không hỏi "khi nào", mà hỏi "bao lâu?" Việc câu hỏi nói về độ dài thời gian (bao lâu?) hay về một thời điểm (khi nào?) là điều thiết yếu để hiểu cho đúng. Câu trả lời cho câu hỏi ở câu mười bốn hoặc là xác định một thời điểm, hoặc là một khoảng thời gian, và có thể là cả hai; nhưng dù câu trả lời là gì thì nó cũng phải được đặt trong bối cảnh của câu hỏi ở câu mười ba. Để phân định lời cho đúng, hay nói cách khác để hiểu đúng câu trả lời của câu mười bốn, cần phải hiểu đúng bối cảnh của câu hỏi. Đó là "khi nào" hay "bảy giờ"?

Những kẻ say rượu của Ephraim dạy một cách mơ hồ rằng câu mười bốn đang xác định một thời điểm, mà họ cho là ngày 22 tháng 10 năm 1844; và khi làm như vậy, họ rất có thể viện dẫn đoạn chúng ta vừa trích từ The Great Controversy, nhưng Lời Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi và

chẳng bao giờ thất bại. Câu hỏi “bao lâu” là xác định khoảng thời gian, chứ không phải một thời điểm. Ngày 22 tháng 10 năm 1844 đã mở đầu thời kỳ phán xét điều tra, và những lễ thật gắn liền với công việc ấy đại diện cho Tin Lành đòi đòi và quan trọng hơn rất nhiều so với chỉ đơn thuần ngày nó bắt đầu.

Ngữ pháp tiếng Ê-bơ-rơ rõ ràng, và ý nghĩa y hệt đó đã được dịch sang Bản Dịch King James. Không chỉ ngữ pháp rõ ràng đặt câu hỏi trong bối cảnh về khoảng thời gian, mà câu hỏi “bao lâu” còn là một biểu tượng của lời tiên tri Kinh Thánh. Có thể chứng minh qua nhiều lời chứng rằng câu hỏi “bao lâu” với tư cách là một biểu tượng đại diện cho lịch sử từ 9/11 đến luật Chủ nhật. Trước hết, chúng ta sẽ xem xét biểu tượng “bao lâu” trước khi trở lại với Palmoni và Joel.

Bao lâu? Isaiah Six

Trong Ê-sai chương sáu, câu ba, các thiên sứ xác nhận rằng trái đất đầy đầy vinh quang của Đức Chúa Trời.

Người này kêu với người kia, rằng: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa các đạo binh; khắp đất đầy đầy vinh hiển của Ngài. Ê-sai 6:3.

Bà White liên kết sự giáng xuống của thiên sứ trong Khải Huyền đoạn mười tám với các thiên sứ ở câu ba.

“Khi họ [các thiên sứ] thấy được tương lai, khi khắp đất sẽ đầy đầy vinh quang của Ngài, bài ca ngợi khải hoàn vang vọng từ vị này sang vị khác trong tiếng xướng du dương: ‘Thánh thay, thánh thay, thánh thay, Chúa các đạo binh.’” Review and Herald, ngày 22 tháng 12 năm 1896.

Ê-sai đang ở thời điểm 11/9 và ông hỏi “bao lâu” ông phải trình bày sứ điệp 11/9 cho một dân La-ô-đi-xê không muốn thấy cũng chẳng muốn nghe. Ông được cho biết rằng ông phải kiên trì cho đến khi các thành bị phá đổ, và sự hủy diệt các thành ấy khởi đầu từ Luật Chủ nhật, khi bội đạo quốc gia dẫn đến suy vong quốc gia.

Bấy giờ tôi nói: Lạy Chúa, cho đến bao giờ? Ngài đáp: Cho đến khi các thành bị tàn phá, không còn dân cư, các nhà không còn người ở, và đất đai trở nên hoàn toàn hoang vu; và Chúa khiến người ta bị đưa đi xa, và giữa xứ có sự bỏ hoang rất lớn. Nhưng trong đó vẫn còn lại một phần mười; nó sẽ trở lại, và sẽ bị tiêu hủy: như cây teil và như cây sồi, trong chúng vẫn còn nhựa sống khi chúng rụng lá; thì hạt giống thánh sẽ là cội rễ của nó. Ê-sai 6:11-13.

Vào ngày 11/9, khi trái đất được chiếu sáng bởi vinh hiển của Đức Chúa Trời, Ê-sai được xúc dầu để trình bày sứ điệp mưa rào cuối mùa, và ông hỏi “bao lâu” ông cần phải trình bày sứ điệp về 9/11 cho những người có lòng đã dày mỡ? Câu trả lời là “cho đến” luật Chủ nhật, khi sẽ có “một sự lia bỏ lớn ở giữa xứ.” Sự “lia bỏ lớn” ấy do tình trạng La-ô-đi-xê trong vòng Cơ Đốc Phục Lâm gây ra, mà Ê-sai, trong chương hai mươi hai, mô tả như Sép-na.

Kìa, Chúa sẽ bắt người đi lưu đày cách mạnh mẽ, và chắc chắn sẽ phủ kín người. Ngài chắc chắn sẽ quay lộn và quăng ném người như một trái cầu vào một xứ rộng lớn; tại đó người sẽ chết, và tại đó những chiến xa vinh quang của người sẽ là sự hổ thẹn cho nhà của chủ người. Và Ta sẽ xua đuổi người khỏi chức vụ của người, và khỏi địa vị của người, người ấy sẽ kéo

người xuống. Ê-sai 22:17-19.

Cơ Đốc Phục Lâm Laodicê từ bỏ lễ thật khi có luật ngày Chúa nhật và tại đó bị “lật đổ”, như được mô tả trong Đa-ni-ên đoạn 11, câu 41.

Người cũng sẽ vào xứ vinh hiển, và nhiều nước sẽ bị lật đổ; nhưng sẽ thoát khỏi tay người: Edom, Moab, và người đứng đầu của con cái Ammon. Daniel 11:41.

Khi Ê-sai hỏi “bao lâu”, ông được phán bảo phải trình bày sứ điệp cho Phong trào Phục Lâm cho đến tận luật ngày Chủ nhật, khi “nhiều người” trong Đa-ni-ên đoạn mười một câu bốn mươi mốt sẽ bị “lật đổ”, khi họ bỏ ngày Sa-bát và bỏ Đức Chúa Trời. Bây giờ họ sẽ bị mưa ra khỏi miệng của Chúa, như được trình bày trong sách Khải Huyền, nơi mọi sách của Kinh Thánh gặp nhau và kết thúc, và nơi Ê-sai đoạn hai mươi hai nói về Sép-na bị “ném mạnh” “như một quả bóng vào một xứ rộng lớn”, khi họ bị “dời đi” “rất xa”.

Trong thời kỳ ấy, phân dân còn sót lại—được biểu trưng là “một phân mười” (tức phân thập phân) “sẽ trở lại”—được so sánh trong đoạn văn với những cây có “gốc” còn lại khi lá bị trút bỏ. Trong biểu tượng tiên tri, “lá” tượng trưng cho sự xưng đạo. Khi phong trào Cơ Đốc Phục Lâm bước vào thời luật Chủ nhật và chấp nhận ngày thứ nhất trong tuần thay cho ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời, họ sẽ trút bỏ những chiếc lá “xưng đạo” của mình và không còn tuyên bố giữ ngày Sa-bát ngày thứ bảy của Đức Chúa Trời nữa.

Việc rửa cây và là một dụ ngôn bằng hành động. Cây không kết trái ấy, phô trương tán lá phô trương ngay trước mặt Đấng Christ, là biểu tượng của dân tộc Do Thái. Đấng Cứu Thế muốn làm cho các môn đồ của Ngài thấy rõ nguyên do và tính chắc chắn của án phán xét trên Israel. Vì mục đích đó, Ngài ban cho cây ấy những phẩm chất đạo đức và làm nó thành phương tiện để trình bày chân lý thiêng liêng. Người Do Thái nổi bật, khác biệt với mọi dân tộc khác, tuyên xưng lòng trung thành với Đức Chúa Trời. Họ đã được Ngài ưu đãi cách đặc biệt, và tự cho mình là công chính hơn mọi dân khác. Nhưng họ đã bị bại hoại bởi lòng yêu chuộng thế gian và sự tham lợi. Họ khoe khoang về tri thức của mình, nhưng lại không biết đến những điều Đức Chúa Trời đòi hỏi, và đầy dẫy sự giả hình. Giống như cây không kết trái, họ xòe những cành nhánh phô trương lên cao, vẻ ngoài thì sum suê, đẹp mắt, nhưng "chẳng có gì ngoài lá". Tôn giáo Do Thái, với đền thờ nguy nga, các bàn thờ thiêng liêng, các tư tế đội mũ và những nghi lễ trang nghiêm, quả thật đẹp đẽ bề ngoài, nhưng lại thiếu sự khiêm nhường, tình yêu thương và lòng nhân từ.

Tất cả các cây trong vườn và đều không kết trái; nhưng những cây trụi lá thì không khơi dậy kỳ vọng nào, cũng không gây thất vọng. Những cây ấy tượng trưng cho dân ngoại. Họ thiếu sự tin kính chẳng kém gì người Do Thái; nhưng họ không hề xưng nhận là phụng sự Đức Chúa Trời. Họ không phô trương những lời tự nhận mình tốt lành. Họ mù lòa trước các công việc và đường lối của Đức Chúa Trời. Đối với họ, mùa vả chưa đến. Họ vẫn đang chờ đợi một ngày sẽ đem lại cho họ ánh sáng và hy vọng. Còn người Do Thái, những người đã nhận được nhiều phước lành lớn hơn từ Đức Chúa Trời, phải chịu trách nhiệm về việc lạm dụng những ân tứ ấy. Những đặc ân mà họ khoe khoang chỉ càng làm tăng tội lỗi của họ. Khát vọng của các thời đại. 582, 583.

Khi luật Chủ nhật được ban hành, lời tuyên xưng của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê rằng họ là dân giao ước của Đức Chúa Trời không còn nữa, vì họ nhận lấy dấu của giao ước sự chết và khước từ ấn tín của giao ước sự sống. Họ bèn trút bỏ những chiếc lá của lời tuyên xưng, và điều được bày tỏ ra là một số dân sót lại được Ê-sai đại diện, là những người vào ngày 11/9 “trở lại” các nẻo cổ xưa, rồi được hạ mình xuống bụi đất khi họ (Ê-sai) nhận ra kinh nghiệm bại hoại của mình, và sau đó được tinh sạch bằng một hòn than lấy từ bàn thờ. Bà White cho chúng ta biết hòn than từ bàn thờ tượng trưng cho sự thanh tẩy, nhưng sự thanh tẩy đơn giản là điều được thực hiện khi hòn than chạm vào môi Ê-sai.

"Hòn than hồng tượng trưng cho sự thanh tẩy. Nếu nó chạm đến môi, sẽ chẳng có lời ô uế nào thốt ra từ môi ấy. Hòn than hồng cũng tượng trưng cho hiệu lực của những nỗ lực của các tôi tớ của Chúa." Review and Herald, ngày 16 tháng 10, 1888.

"Hòn than" từ bàn thờ được ném xuống đất trong những ngày sau rốt chính là những hòn than được ném xuống đất khi ấn thứ bảy, cũng là ấn cuối cùng, được mở ra trong năm câu đầu của Khải Huyền chương tám. Ê-sai, và vì thế một trăm bốn mươi bốn nghìn người, được thanh tẩy bởi việc hòn than chạm vào môi họ, nhưng "hòn than" ấy là một sứ điệp. Nó chạm vào môi họ khi họ lấy quyển sách khỏi tay thiên sứ và ăn.

Xin Cha thánh hóa họ trong lễ thật; lời Cha là lễ thật. Giăng 17:17.

Những người “trở lại” và trở thành những kẻ còn sót lại (phần còn lại) được tượng trưng như những cây sồi và cây teal, và cũng như Đấng Christ đã “ban cho cây những phẩm chất đạo đức, và khiến nó trở thành người diễn giải lễ thật thiêng liêng” các cây của Ê-sai có “phẩm chất đạo đức” ở trong chúng được biểu thị bởi “bản chất”. “Bản chất” vẫn ở với các cây, ngay cả khi những kẻ chỉ là những chiếc lá của sự tuyên xưng bị loại bỏ. “Hạt giống thánh” là “bản chất” và Đấng Christ là “hạt giống thánh” của lời tiên tri. Những cây được trình bày như phần còn sót lại ấy, và bởi chính Ê-sai trong chương sáu, tượng trưng cho con người, và vì vậy cho nhân loại; còn hạt giống thánh tượng trưng cho thần tính. Vì vậy, Ê-sai chương sáu xác định sự tinh luyện của Phục Lâm từ 9/11 cho đến luật Chủ nhật, và những chi tiết mà Ê-sai đóng góp cho lịch sử tiên tri đó đều được thể hiện qua câu hỏi “bao lâu”. Đối với Ê-sai, câu trả lời cho “bao lâu” là từ 9/11 cho đến luật Chủ nhật.

Bao lâu? 1840-1844

Ngày 11 tháng 8 năm 1840 là hình bóng cho sự kiện 11/9, và theo lịch sử tiên tri từ ngày 11 tháng 8 năm 1840 cho đến ngày 22 tháng 10 năm 1844, đã diễn ra trận chiến trên núi Cạt-mên giữa Ê-li và các tiên tri của Giê-sa-bên. Rốt cuộc, các tiên tri của Baal được chứng minh là tiên tri giả và bị Ê-li xử tử, nhưng ngay từ đầu cuộc đối đầu, Ê-li đã nêu câu hỏi: "bao lâu" các người còn khập khiễng giữa hai ý kiến.

Ê-li đến với cả dân chúng và nói: Các người còn lưỡng lự giữa hai ý kiến đến bao giờ? Nếu Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, thì hãy theo Ngài; còn nếu Ba-anh, thì hãy theo nó. Dân chúng không đáp một lời. Bấy giờ Ê-li nói với dân chúng: Ta, chỉ một mình ta thôi, còn lại như một nhà tiên tri của Đức Giê-hô-va; còn các tiên tri của Ba-anh thì có bốn trăm năm mươi

người. 1 Các Vua 18:21, 22.

Ê-li ở vào ngày 11 tháng 8 năm 1840; hỏi thể hệ ấy liệu sứ điệp Millerite là đúng hay sai? Đó là một sứ điệp khác gửi đến Lao-đi-xê, như Ê-sai đoạn sáu vậy.

Hàng ngàn người đã được dẫn dắt để chấp nhận lẽ thật mà William Miller rao giảng, và các đầy tớ của Đức Chúa Trời đã được đẩy lên trong linh và quyền năng của Ê-li để công bố sứ điệp. Giống như Giăng, người đi trước dọn đường cho Đức Chúa Jêsus, những người rao giảng sứ điệp trang nghiêm này cảm thấy bị thôi thúc phải đặt rìu vào gốc cây và kêu gọi người ta kết quả xứng đáng với sự ăn năn. Lời chứng của họ nhằm đánh thức và tác động mạnh mẽ đến các hội thánh, và bày tỏ bản chất thật của họ. Và khi lời cảnh cáo nghiêm trọng phải chạy trốn cơn thịnh nộ sắp đến được vang ra, nhiều người vốn hiệp với các hội thánh đã tiếp nhận sứ điệp chữa lành; họ thấy sự sa sút của mình, và với những giọt nước mắt ăn năn cay đắng cùng nỗi thống khổ sâu xa trong linh hồn, họ hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời. Và khi Thần của Đức Chúa Trời ngự trên họ, họ góp phần vang lên tiếng kêu: “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến.” Early Writings, 233.

Trong lịch sử thử nghiệm từ 1840 đến 1844, những người Tin Lành khước từ sứ điệp của Ê-li đã trở thành các “con gái của Rôma” và trao tấm áo choàng của phong trào Tin Lành cho phong trào Phục Lâm Millerite. Cùng với Ê-sai và Ê-li, chúng ta có hai nhân chứng làm chứng rằng câu hỏi “đến bao giờ” là một biểu trưng cho lịch sử bắt đầu từ 9/11 và kết thúc tại luật ngày Chủ nhật. Trong lịch sử Millerite, ngày 11 tháng 8 năm 1840 tương ứng với 9/11, và ngày 22 tháng 10 năm 1844 tương ứng với luật ngày Chủ nhật. Khi lửa từ trời giáng xuống thiêu hủy lễ vật của Ê-li, mười hai hòn đá đều được rọi sáng cùng với lễ vật, qua đó đánh dấu một trăm bốn mươi bốn nghìn như một tiêu kỳ, được biểu trưng bằng những hòn đá rực sáng. Các tiên tri giả khi ấy đã bị Ê-li giết, cũng như Hoa Kỳ (tiên tri giả) bị diệt như là vương quốc thứ sáu vào thời điểm luật ngày Chủ nhật.

Ê-sai chương 6 nhấn mạnh một tiến trình thử nghiệm, tẩy luyện và thanh luyện giữa dân của Đức Chúa Trời từ 9/11 cho đến Luật Chủ nhật. Ê-li đang đối diện với thái độ Lao-đi-xê của dân Đức Chúa Trời, đồng thời cung cấp bằng chứng để phân biệt giữa tiên tri thật và giả, và qua đó là sứ điệp thật hay giả. Vì vậy, bắt đầu từ ngày 11 tháng 8 năm 1840 và kết thúc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, một bài thử nghiệm tiên tri đã được đặt trên những người Tin Lành thuộc thời kỳ Sardis; và cũng như ngọn lửa trên núi Cạt-mên đã tạo ra một sự phân rẽ thành hai hạng, thì vào năm 1844 hai hạng cũng đã được bày tỏ. Một hạng trong tiến trình thử nghiệm là dân giao ước sắp trở thành “cự”, và hạng còn lại là Phong trào Phục Lâm Millerite mà Đức Chúa Trời sẽ lập giao ước với vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Thời kỳ thử nghiệm và phân rẽ là câu chuyện về vườn nho, khi Phong trào Phục Lâm Millerite được chứng tỏ là tiên tri thật, đồng thời Tin Lành thời Sardis bắt đầu làm trọn vai trò của mình như là Tin Lành bội đạo. Cũng như các tiên tri của Ba-anh bị phơi bày là giả, thì dân giao ước trước kia cũng bị phơi bày, và sau đó được những người Millerite nhận diện là một “con gái của La Mã”. Câu chuyện về núi Cạt-mên, và cả sự ứng nghiệm của lịch sử ấy vào thời Millerite, cung cấp một nhân chứng thứ hai cho Ê-sai chương 6 rằng câu hỏi “bao lâu” là một biểu tượng cho khoảng thời gian từ 9/11 đến Luật Chủ nhật.

'Lạy Đức Chúa Trời của Abraham, Isaac và Israel,' nhà tiên tri khẩn cầu, 'xin cho hôm nay người ta biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời tại Israel, rằng con là tôi tớ của Ngài, và rằng con đã

làm tất cả những điều này theo lời Ngài. Xin hãy nghe con, lạy Chúa, xin hãy nghe con, để dân này biết rằng Ngài là Chúa, là Đức Chúa Trời, và rằng Ngài đã khiến lòng họ quay trở lại.'

Một sự im lặng, đè nặng bởi vẻ trang nghiêm, bao trùm lên tất cả. Các thầy tế lễ của Baal run rẩy trong nỗi kinh hoàng. Ý thức rõ tội lỗi của mình, họ chờ đợi sự trừng phạt mau lẹ.

Vừa khi lời cầu nguyện của Ê-li kết thúc thì những ngọn lửa, như những tia chớp rực rỡ, từ trời giáng xuống trên bàn thờ được dựng lên, thiêu rụi của lễ, liếm cạn nước trong rãnh, và thậm chí thiêu cháy cả những hòn đá của bàn thờ. Ánh lửa rực rỡ chiếu sáng cả ngọn núi và làm lóa mắt đám đông. Trong các thung lũng phía dưới, nơi nhiều người đang hồi hộp lo âu dõi theo những động tĩnh của những người ở trên, lửa giáng xuống hiện ra rõ ràng, và ai nấy đều kinh ngạc trước cảnh tượng ấy. Nó giống như trụ lửa tại Biển Đỏ đã tách con cái Y-sơ-ra-ên khỏi đạo quân Ai Cập.

Những người trên núi phủ phục trong kính sợ trước Đức Chúa Trời vô hình. Họ không dám tiếp tục nhìn vào ngọn lửa từ trời giáng xuống. Họ sợ rằng chính mình sẽ bị thiêu rụi; và, nhận biết bản phận phải thừa nhận Đức Chúa Trời của Ê-li là Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, Đấng mà họ phải quy phục, họ đồng thanh kêu lên như cùng một tiếng: "Chúa, Ngài là Đức Chúa Trời; Chúa, Ngài là Đức Chúa Trời." Tiếng kêu ấy, rõ ràng đến sừng sốt, vang dội khắp núi và vọng xuống đồng bằng phía dưới. Cuối cùng Israel được đánh thức, không còn bị lừa dối, và ăn năn. Cuối cùng dân chúng thấy họ đã làm nhục danh Đức Chúa Trời đến mức nào. Bản chất của sự thờ Ba-anh, đối lập với sự thờ phượng hợp lẽ mà Đức Chúa Trời chân thật đòi hỏi, nay được bày tỏ trọn vẹn. Dân chúng nhận ra sự công bình và thương xót của Đức Chúa Trời trong việc Ngài cầm giữ sương móc và mưa cho đến khi họ được dẫn đến chỗ xưng nhận danh Ngài. Giờ đây họ sẵn sàng thừa nhận rằng Đức Chúa Trời của Ê-li cao hơn mọi thần tượng. Các Tiên Tri và Các Vua, 153.

Bao lâu? Moses

Lần đầu tiên câu hỏi mang tính biểu tượng "bao lâu" được nêu ra trong Lời tiên tri là ở tai vạ thứ tám giáng trên người Ai Cập vào thời Môi-se. Tai vạ thứ tám là "châu chấu" (biểu tượng của Hội giáo) được đem đến bởi một "luồng gió đông" (biểu tượng của Hội giáo).

Môi-se và A-rôn vào gặp Pha-ra-ôn và nói với ông rằng: "Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ phán như vậy: Người còn từ chối hạ mình trước mặt ta cho đến bao giờ? Hãy để dân ta đi, để họ phụng sự ta. Bằng không, nếu người còn từ chối không cho dân ta đi, thì này, ngày mai ta sẽ đem châu chấu vào bờ cõi người. Chúng sẽ che phủ mặt đất, đến nỗi người ta chẳng còn thấy đất nữa; chúng sẽ ăn nốt phần còn lại, tức những gì đã thoát khỏi trận mưa đá và còn sót lại cho các người, và sẽ ăn hết mọi cây cối mọc lên cho các người ngoài đồng. Chúng sẽ làm đầy nhà người, nhà của mọi đầy tớ người, và các nhà của hết thầy người Ai Cập—điều mà cha người, cũng như cha của cha người, chưa hề thấy, từ ngày họ ở trên đất cho đến ngày nay." Rồi ông quay người đi, ra khỏi Pha-ra-ôn.

Các bề tôi của Pha-ra-ôn nói với ông: "Người này sẽ còn là mối tai họa cho chúng ta đến bao giờ? Hãy cho những người đàn ông đi, để họ phụng sự Chúa, là Đức Chúa Trời của họ. Ông vẫn chưa biết rằng Ai Cập đã bị tàn phá sao?"

Rồi người ta lại đưa Môi-se và A-rôn đến trước Pha-ra-ôn; vua nói với họ: “Hãy đi, hầu việc Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi; nhưng những ai sẽ đi?”

Và Mô-sê nói: Chúng tôi sẽ đi, cả người trẻ lẫn người già, cả con trai lẫn con gái; đàn chiên và đàn bò của chúng tôi cũng sẽ đi, vì chúng tôi phải giữ lễ cho Chúa.

Và ông nói với họ: Nguyên Chúa ở cùng các ngươi, như ta sẽ cho các ngươi và các con nhỏ của các ngươi đi; hãy coi chừng, vì điều dữ đang ở trước mặt các ngươi. Không phải vậy: bây giờ những người đàn ông trong các ngươi hãy đi và phụng sự Chúa; vì đó là điều các ngươi đã mong muốn. Và họ bị đuổi khỏi trước mặt Pharaoh.

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: Hãy gĩa tay ngươi trên đất Ai Cập để châu chấu kéo lên trên đất Ai Cập và ăn hết mọi cây cỏ trong xứ, cả những gì mưa đá còn để lại. Môi-se bèn gĩa cây gậy của mình trên đất Ai Cập; Đức Giê-hô-va khiến gió đông thổi trên xứ suốt ngày ấy và suốt đêm; đến sáng, gió đông đưa châu chấu đến. Châu chấu tràn lên khắp đất Ai Cập và đậu trên khắp bờ cõi Ai Cập; chúng rất khủng khiếp; trước chúng chưa từng có châu chấu nào như thế, và sau chúng cũng sẽ không có như vậy. Vì chúng che phủ mặt đất khắp xứ, đến nỗi xứ trở nên tối tăm; chúng ăn hết mọi cây cỏ trong xứ và mọi trái trên cây mà mưa đá còn để lại; không còn lại một vật gì xanh tươi trên cây hay trong cỏ ngoài đồng trong khắp đất Ai Cập.

Bấy giờ Pha-ra-ôn vội vã gọi Môi-se và A-rôn, và nói: Tôi đã phạm tội cùng Đức Chúa Trời của các ông và cùng các ông. Vậy bây giờ, xin tha cho tôi tội lỗi của tôi lần này thôi, và nài xin Đức Chúa Trời của các ông để Ngài cất khỏi tôi sự chết này thôi. Rồi ông đi ra khỏi Pha-ra-ôn và khẩn cầu cùng Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời làm nổi một cơn gió tây rất mạnh, cuốn hết châu chấu đi và ném chúng xuống Biển Đỏ; chẳng còn lại một con châu chấu nào trên khắp bờ cõi Ai Cập. Xuất Hành 10:3-19.

Trước hết, “Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-ơ” hỏi: “Ngươi còn từ chối hạ mình trước mặt Ta cho đến bao giờ?” rồi sau đó các tội tớ của Pha-ra-ôn lại hỏi Pha-ra-ôn: “Người này sẽ còn là mối họa cho chúng ta đến bao giờ?” Câu hỏi được nêu ra trong tai vạ thứ tám, điều này tương ứng với 9/11 vì nhiều lý do. Tai vạ thứ mười là việc giết các con đầu lòng, điều này tương ứng với thập tự giá và được tiếp nối bởi sự thất vọng bên Biển Đỏ; sự soi dẫn này tương ứng với sự thất vọng của các môn đồ tại thập tự giá, điều lại tương ứng với Sự Thất Vọng Lớn của những người Millerite vào năm 1844. Ba chứng nhân đó đều tương ứng với luật ngày Chủ nhật. Tai vạ thứ mười là luật ngày Chủ nhật, và hai tai vạ trước đó, tai vạ thứ tám đã đem “cào cào” đến theo một “gió đông”. Những “cào cào” đã phủ khắp mặt đất, cũng như Hội giáo đang làm rung chuyển cả thế giới ngày nay khi nó lan tỏa bóng tối của mình thông qua nhập cư cưỡng bức. Tên Latinh của “cào cào sa mạc” là “locusta migratoria”, đại diện cho sự lan rộng của Hội giáo qua nhập cư, điều được tiêu biểu trong thế giới tự nhiên như sự di cư.

Tai ương thứ chín là một bóng tối có thể cảm nhận được.

Và Chúa phán với Môi-se: Hãy gĩa tay ngươi lên hướng trời, để có bóng tối bao phủ đất Ai Cập, một sự tối tăm đến nỗi có thể sờ thấy được. Môi-se bèn gĩa tay mình lên hướng trời; và có bóng tối dày đặc trên khắp đất Ai Cập suốt ba ngày. Họ không nhìn thấy nhau, cũng chẳng ai rời khỏi chỗ mình trong ba ngày; nhưng toàn thể con cái Israel đều có ánh sáng trong nơi ở của

họ. Xuất Hành 10:21–23.

Trong biểu tượng về "bao lâu" được thể hiện bởi Núi Carmel và Ê-li, có một sự phân biệt được bày tỏ khi lửa từ trời giáng xuống. Đức Chúa Trời của Ê-li đã làm điều mà Baal không thể làm. Trong lịch sử Millerite, sự phân biệt được đặt ra giữa Tin Lành Sardis đã sa ngã và Phục Lâm Millerite. Với Môi-se, sự phân biệt là bóng tối hay ánh sáng. Trong nhà của người Do Thái có ánh sáng. Ê-sai còn cho chúng ta biết rằng những ai không có ánh sáng trong dòng của Môi-se, cũng là những người bị Ê-li hủy diệt, và những người đánh mất áo choàng của chủ nghĩa Tin Lành trong thời kỳ Millerite, là một "dân" "nghe" "quả thật, nhưng không hiểu; và "thấy" "quả thật, nhưng không nhận biết." Rồi có lời phán về dân này rằng, "Hãy làm cho lòng của dân này ra nặng nề, làm cho tai họ nặng, và nhắm mắt họ lại; kéo họ thấy bằng mắt mình, nghe bằng tai mình, hiểu bằng lòng mình, rồi trở lại và được chữa lành."

Sẵn lòng làm công việc, nhưng thấy quá sức với nhiệm vụ rao giảng cho những người sẽ không lắng nghe, Ê-sai "bấy giờ nói," "Lạy Chúa, cho đến bao giờ?"

Ba tai vạ sau cùng trong mười tai vạ của Ai Cập làm chứng cho ba bước từ sự kiện 11/9 cho đến luật Chủ nhật. Ngày 11 tháng 8 năm 1840, sứ điệp thiên sứ thứ nhất được gia tăng quyền năng; và ngày 19 tháng 4 năm 1844, thiên sứ thứ hai đến và được gia tăng quyền năng tại Kỳ nhóm trại Exeter từ ngày 12 đến 17 tháng 8; còn thiên sứ thứ ba đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Thiên sứ thứ ba tương ứng với luật Chủ nhật, vì thế xác định một tiến trình ba bước, bởi lẽ không thể có điều thứ ba nếu không có điều thứ nhất và điều thứ hai.

Sứ điệp thứ nhất và thứ hai đã được ban ra vào các năm 1843 và 1844, và hiện nay chúng ta đang ở trong thời kỳ rao giảng sứ điệp thứ ba; nhưng cả ba sứ điệp ấy vẫn còn phải được rao giảng. Điều cần thiết hiện nay cũng như trước kia là chúng phải được nhắc lại cho những ai đang tìm kiếm lẽ thật. Bằng bút và lời nói, chúng ta phải cất lên lời công bố, trình bày thứ tự của chúng và sự áp dụng các lời tiên tri dẫn chúng ta đến sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Không thể có sứ điệp thứ ba nếu không có sứ điệp thứ nhất và thứ hai. Những sứ điệp này chúng ta phải trao cho thế giới qua các ấn phẩm, qua các bài giảng, trình bày theo dòng lịch sử tiên tri những điều đã xảy ra và những điều sẽ xảy đến. Những Sứ Điệp Tuyển Chọn, quyển 2, trang 104, 105.

Tai vạ thứ mười của Ai Cập đã được sắp đặt bởi sự soi dẫn để tương ứng với thập tự giá và sự thất vọng theo sau gắn liền với nó. Vì vậy, tai vạ thứ mười là sứ điệp thứ ba, mà theo tính tất yếu tiên tri phải được đi trước bởi sứ điệp thứ nhất và thứ hai. Vào ngày 11/9 Chúa hỏi Pha-ra-ôn: "bao lâu" và ngay sau đó các tôi tớ của Pha-ra-ôn cũng hỏi: "bao lâu." Sau khi Môi-se chuyển đến Pha-ra-ôn câu hỏi "bao lâu" của Đức Chúa Trời, và ngay trước khi các tôi tớ lặp lại câu hỏi của Môi-se với Pha-ra-ôn, Môi-se đánh dấu một bước ngoặt: "ông quay mình lại, và đi ra khỏi Pha-ra-ôn." Xuất Ê-díp-tô Ký 10:6.

Sự kiện 11/9 là một bước ngoặt mang tính tiên tri, điều này đã được báo trước qua việc Môi-se giảng tai họa châu châu do gió đông mang đến.

Có những thời kỳ là những bước ngoặt trong lịch sử của các dân tộc và của Hội Thánh. Trong sự quan phòng của Đức Chúa Trời, khi những cuộc khủng hoảng khác nhau xảy đến, ánh

sáng cho thời ấy được ban cho. Bible Echo, ngày 26 tháng 8 năm 1895.

Tai vạ kế tiếp tạo ra bóng tối hoặc ánh sáng tùy theo bạn thuộc nhóm nào. Sự kiện 11/9 là một "bước ngoặt trong lịch sử các quốc gia và của hội thánh." Vào thời điểm ấy, dân của Đức Chúa Trời được kêu gọi trở lại và đi trên những nẻo xưa, nhưng họ từ chối bước đi trong đó và không lắng nghe tiếng kèn. Sau thời Ê-li, một sự tách biệt giữa bóng tối và ánh sáng đã được thực hiện, và Môi-se hỏi: "Bao lâu?" Bà còn nói thêm trong đoạn này:

"Có những thời kỳ là những bước ngoặt trong lịch sử của các dân tộc và của Hội thánh. Trong sự quan phòng của Đức Chúa Trời, khi những cuộc khủng hoảng khác nhau này xảy đến, ánh sáng cho thời điểm ấy được ban cho. Nếu ánh sáng ấy được tiếp nhận, sẽ có sự tiến bộ thuộc linh; nếu bị khước từ, sự suy thoái thuộc linh và đắm tàu sẽ theo sau." Bible Echo, ngày 26 tháng 8, 1895.

Chúng tôi sẽ tiếp tục chủ đề "bao lâu" trong bài viết tiếp theo.

Vào tháng Năm năm 1842, một Đại Hội đồng đã được triệu tập tại Boston, Massachutes. Khi khai mạc cuộc họp này, các anh em Charles Fitch và Apollos Hale, ở Haverhill, đã trình bày những lời tiên tri bằng hình ảnh của Daniel và John, mà họ đã vẽ trên vải, kèm theo các con số tiên tri, cho thấy sự ứng nghiệm của chúng. Anh Fitch, khi giải thích từ tấm bảng của mình trước Đại Hội đồng, nói rằng trong khi khảo sát những lời tiên tri này, ông đã nghĩ rằng nếu có thể làm ra một thứ như được trình bày ở đây thì sẽ đơn giản hóa chủ đề và giúp ông dễ trình bày hơn trước cử tọa. Đây là thêm ánh sáng trên con đường của chúng ta. Những anh em này đã làm điều mà Chúa đã cho Habakkuk thấy trong khái tượng của ông 2,468 năm trước, rằng: 'Hãy chép khái tượng và làm cho rõ ràng trên các bảng, để ai đọc thì có thể chạy. Vì khái tượng còn chờ đến một kỳ đã định.' Habakkuk 2:2.

Sau một số cuộc thảo luận về vấn đề này, người ta đã bỏ phiếu nhất trí cho in thạch bản ba trăm bản tương tự như bản này, và điều đó chẳng bao lâu đã được thực hiện. Chúng được gọi là "các biểu đồ '43.'" Đây là một Hội nghị rất quan trọng. Tự truyện của Joseph Bates, 263.

Tôi đã thấy rằng biểu đồ năm 1843 đã được bàn tay của Chúa hướng dẫn, và rằng nó không nên bị thay đổi; rằng các con số đúng như Ngài muốn; rằng tay Ngài đã bao phủ và che giấu một sai lầm trong một vài con số, đến nỗi không ai có thể thấy nó, cho đến khi tay Ngài được dời đi. Những Bài Viết Sớm, 74.

"Đó là lời chứng hiệp nhất của các giảng sư và các ấn phẩm về Tái Lâm Thứ Hai, khi đứng trên 'đức tin ban đầu,' rằng việc xuất bản biểu đồ là sự ứng nghiệm của Ha-ba-cúc 2:2, 3. Nếu biểu đồ là một đối tượng của lời tiên tri (và những ai phủ nhận điều ấy là lia bỏ đức tin ban đầu), thì theo đó, năm 457 TCN là mốc năm để tính 2300 ngày. Điều cần thiết là năm 1843 phải là thời điểm đầu tiên được công bố, để 'sự hiện thấy' phải 'chậm lại,' tức là phải có một thời kỳ trì hoãn, trong đó đoàn đồng trình sẽ buồn ngủ và ngủ thiếp đi về chủ đề lớn lao là thời gian, ngay trước khi họ được đánh thức bởi Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm." Second Advent Review and Sabbath Herald, Tập I, Số 2, James White.